

Số: 79/2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Xét Tờ trình số 927/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 925/BC-BVHXH ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung chi, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tổ chức thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: thực hiện theo Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết: thực hiện theo Phụ lục 02 đính kèm Nghị quyết này.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: thực hiện theo Phụ lục 03 đính kèm Nghị quyết này.

4. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: thực hiện theo Phụ lục 04 đính kèm Nghị quyết này;

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: thực hiện theo Phụ lục 04 đính kèm Nghị quyết này.

5. Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục:

a) Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở: thực hiện theo Phụ lục 05 đính kèm Nghị quyết này;

b) Chi đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được nhà nước hỗ trợ học phẩm (học phẩm được cấp bằng hiện vật theo từng kỳ học cho số lượng học viên thực nhận/thực học): thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 350.000 đồng/học viên/kỳ học;

c) Chi hỗ trợ kinh phí chi thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập (đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:

Chi thấp sáng đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm (hỗ trợ theo thời gian thực học): 160.000 đồng/lớp/tháng;

Chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm: 265.000 đồng/giáo viên/môn học/kỳ học.

Chi sách giáo khoa dùng chung đối với các lớp học phổ cập, xóa mù chữ ban đêm:

Phổ cập giáo dục tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5): 185.000 đồng/bộ/lớp;

Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (từ lớp 6 đến lớp 9): 286.500 đồng/bộ/lớp;

Xóa mù chữ (từ kỳ học 1 đến kỳ học 5): 66.000 đồng/bộ/lớp/kỳ học.

Chi hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: 200.000 đồng/người/ngày.

d) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù chữ, chống tái mù chữ, phổ cập giáo dục thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục công lập: chi trả theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

đ) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ, phổ cập giáo dục (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

e) Chi hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên được huy động tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ, phổ cập giáo dục: thực hiện theo Phụ lục 05 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định về nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (Ban VHXH - Ng).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Phụ lục 01

CHI CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NÂNG CAO NHẬN THỨC, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ, CÁC LỰC LƯỢNG XÃ HỘI VỀ MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, VAI TRÒ VÀ ÍCH LỢI CỦA HỌC TẬP SUỐT ĐỜI, XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP; CHI TỔ CHỨC TUẦN LỄ HƯỞNG ỨNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI HÀNG NĂM

(Kèm theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm		
1.1	Chi phí đi lại	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
1.2	Phụ cấp lưu trú		
1.3	Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác		
1.4	Chi tổ chức hội nghị		
2	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm	Thực hiện theo Phụ lục 3 kèm theo Nghị quyết này	
3	Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
3.1	Chi biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	
3.2	Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm bảng thông tin và hộp tin	Theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm	
3.3	Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)	Áp dụng bằng mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước	
4	Chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời		
4.1	Xây dựng tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)		
	Cấp Thành phố	đồng/tờ gấp đã hoàn thành	1.500.000
	Cấp xã	đồng/tờ gấp đã hoàn thành	1.000.000
4.2	Xây dựng tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)		
	Cấp Thành phố	đồng/tình huống đã hoàn thành	450.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Cấp xã	đồng/tình huống đã hoàn thành	350.000
4.3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)		
	Cấp Thành phố	đồng/câu chuyện đã hoàn thành	2.250.000
	Cấp xã	đồng/câu chuyện đã hoàn thành	1.650.000
4.4	Xây dựng tiêu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)		
	Cấp Thành phố	đồng/tiêu phẩm đã hoàn thành	7.500.000
	Cấp xã	đồng/tiêu phẩm đã hoàn thành	5.500.000
5	<i>Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời</i>		
5.1	Thuê văn nghệ, diễn viên	đồng/người/ngày	450.000
5.2	Chi giải thưởng: đối với các cuộc thi tìm hiểu pháp luật được tổ chức trên phạm vi, địa bàn quản lý (toàn Thành phố hoặc địa phương cấp xã), quy mô rộng (có đối tượng dự thi đa dạng, có nhiều tầng lớp nhân dân trên địa bàn tham gia) hoặc có nhiều hình thức thi kết hợp (thi viết, thi sân khấu hóa, thi trực tuyến) và số lượng câu hỏi thi tối thiểu từ 100 câu trở lên; cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt mức chi theo quy định như sau:		
	- Cuộc thi cấp Thành phố:		
	+ Giải nhất:		
	Tập thể	đồng	15.000.000
	Cá nhân	đồng	9.000.000
	+ Giải nhì:		
	Tập thể	đồng	10.500.000
	Cá nhân	đồng	4.500.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	+ Giải ba:		
	Tập thể	đồng	7.500.000
	Cá nhân	đồng	3.000.000
	+ Giải khuyến khích:		
	Tập thể	đồng	4.500.000
	Cá nhân	đồng	1.500.000
	+ Giải phụ khác:	đồng	750.000
	- Cuộc thi cấp xã:		
	+ Giải nhất:		
	Tập thể	đồng	10.000.000
	Cá nhân	đồng	6.000.000
	+ Giải nhì:		
	Tập thể	đồng	7.000.000
	Cá nhân	đồng	3.000.000
	+ Giải ba:		
	Tập thể	đồng	5.000.000
	Cá nhân	đồng	2.000.000
	+ Giải khuyến khích:		
	Tập thể	đồng	3.000.000
	Cá nhân	đồng	1.000.000
	+ Giải phụ khác:	đồng	550.000
6	Chi thực hiện báo cáo thống kê định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
6.1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo	đồng/báo cáo	75.000
6.2	Xây dựng báo cáo		
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố	đồng/báo cáo	4.500.000
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã	đồng/báo cáo	2.500.000

Phụ lục 02**CHI CÔNG TÁC PHÍ, CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, HỌC TẬP KINH NGHIỆM MÔ HÌNH XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP HIỆU QUẢ TRONG NƯỚC; CHI TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP, HỘI NGHỊ SƠ KẾT, TỔNG KẾT***(Kèm theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND)*

STT	Nội dung	Mức chi
1	<i>Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước</i>	
1.1	Chi phí đi lại	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
1.2	Phụ cấp lưu trú	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
1.3	Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	<i>Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết</i>	
2.1	Thuê Hội trường (nếu có)	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ
2.2	Tài liệu	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ
2.3	Văn phòng phẩm	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ
2.4	Chi giải khát giữa giờ	50.000 đồng/người/buổi

Phụ lục 03

CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN; CHI BỒI DƯỠNG CHO BÁO CÁO VIÊN/HƯỚNG DẪN VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY TẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG (BAO GỒM CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, SOẠN BÀI VÀ BÁO CÁO); CHI ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ CỦA TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG
(Kèm theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	<i>Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước</i>	Thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Nghị quyết số 427/NQ-HĐND về việc áp dụng Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	
2	<i>Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước</i>		
2.1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học)		
2.2	Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; phó giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sĩ khoa học; tiến sĩ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng thuộc Bộ	đồng/người/buổi	2.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
2.3	Giảng viên, báo cáo viên là Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; thạc sĩ; giảng viên chính	đồng/người/buổi	1.500.000
2.4	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp thành phố, chuyên gia các lĩnh vực (ngoài 2 đối tượng nêu trên)	đồng/người/buổi	1.200.000
2.5	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp xã và tương đương trở xuống	đồng/người/buổi	600.000
2.6	Trợ giảng (nếu có)	đồng/người/buổi	600.000
3	<i>Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài</i>	Thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Nghị quyết số 427/NQ-HĐND về việc áp dụng Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	
4	<i>Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức</i>	Thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Nghị quyết số 427/NQ-HĐND về việc áp dụng Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	

Phụ lục 04**CHI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI/CÔNG NHẬN CÁC MÔ HÌNH HỌC TẬP***(Kèm theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập		
1.1	Thuê Hội trường (nếu có)	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
1.2	Giải khát giữa giờ	đồng/người/buổi	50.000
1.3	Tài liệu	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
1.4	Văn phòng phẩm	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
2	Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập		
2.1	Chi tập huấn nghiệp vụ thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	Thuê Hội trường (nếu có)	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
	Giải khát giữa giờ	đồng/người/buổi	50.000
	Tài liệu	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
	Văn phòng phẩm	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
2.2	Chi tiền công cho điều tra viên thống kê thuê ngoài	Mức tiền công bình quân tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
2.3	Chi tiền công cho công chức, viên chức thực hiện điều tra, khảo sát theo quyết định phân công của cơ quan có thẩm quyền	Không quá 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại mục 2.2 Phụ lục này. Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại mục 2.2 Phụ lục này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí	
2.4	Chi công tác kiểm tra, giám sát	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
2.5	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (thực hiện tự đánh giá, xếp loại các mô hình học tập)		
	- Đối với cá nhân:		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	40.000
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	60.000
	- Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	85.000
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	100.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	115.000
	- Đối với các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	42.500
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	57.500
2.6	Chi Văn phòng phẩm, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	

Phụ lục 05
CHI CHO CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC
(Kèm theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	<i>Chi cho các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở</i>		
1.1	Chi tập huấn nghiệp vụ thực hiện điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
	Thuê Hội trường (nếu có)	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
	Giải khát giữa giờ	đồng/người/buổi	50.000
	Tài liệu	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
	Văn phòng phẩm	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
1.2	Chi tiền công cho điều tra viên thống kê thuê ngoài	Mức tiền công bình quân tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê	
1.3	Chi tiền công cho công chức, viên chức thực hiện điều tra, khảo sát theo quyết định phân công của cơ quan có thẩm quyền	Không quá 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại mục 1.2 Phụ lục này. Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính thì được thanh toán tối đa không quá mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại mục 1.2 Phụ lục này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí	

1.4	Chi công tác kiểm tra, giám sát	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
1.5	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (thực hiện điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục)		
	- Đối với cá nhân:		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	40.000
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	60.000
	- Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	85.000
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	100.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	115.000
	- Đối với các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin		
	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	đồng/phiếu	42.500
	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	50.000
	Trên 40 chỉ tiêu	đồng/phiếu	57.500
1.6	Chi vận chuyển tài liệu, thuê xe phục vụ điều tra, khảo sát công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
1.7	Chi Văn phòng phẩm, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục	Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ	
2	Chi hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên được huy động tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ		
2.1	Chi phí đi lại	Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng nhân dân	

2.2	Phụ cấp lưu trú	Thành phố; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2.3	Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác	
3	<i>Chi xử lý kết quả điều tra, khảo sát</i>	Thực hiện theo điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia